

Nội dung bài viết

1. [Soạn Intonation - Tiếng Anh 12 Unit 15 Language Focus](#)
2. [Soạn Grammar - Tiếng Anh 12 Unit 15 Language Focus](#)

Unit 15: Women in Society

Soạn Intonation - Tiếng Anh 12 Unit 15 Language Focus

Practise reading the following sentences with the rising tune

Nội dung bài nghe:

1. Did you have a good holiday?
2. Must you go now?
3. Shall I bring some sandwiches for you, too?
4. Can I go with you. Jack?
5. Have your parents been to Britain, Jo?

Hướng dẫn dịch:

1. Bạn đã có một kỳ nghỉ vui không?
2. Bạn phải đi bây giờ à?
3. Tôi cũng mang theo bánh sandwich cho bạn nhé?
4. Tôi có thể đi cùng với bạn không, Jack?
5. Cha mẹ của bạn đã đến Anh à, Jo?

Work in pairs. Practise reading these conversations.

Nội dung bài nghe:

1.

Mr. Wise: Were there any letters this morning?

Miss Roke: No.

Mr. Wise: That's odd.... Oh, before I forget... have you heard the news?

Miss Roke: No?

Mr. Wise: Miss Robert is getting married. Are you thinking of getting married, Miss Roke?

Miss Roke: No.

2.

Father: Are you drunk, David?

David: No, I'm not.

Father: Did you wash your face this morning, David?

David: Yes, I did.

Father: Have you completed your essay?

David: No, sorry Dad. I haven't.

Hướng dẫn dịch:

1.

Ông Wise: Sáng nay có thư không?

Cô Roke: Không.

Ông Wise: Thật kì lạ... Ồ, trước khi tôi quên ... cố có nghe tin gì không?

Cô Roke: Không ạ?

Ông Wise: Hoa hậu Robert sắp kết hôn. Cô có đang nghĩ đến việc kết hôn không, cô Roke?

Cô Roke: Không ạ.

2.

Cha: Con say rượu à, David?

David: Không, con không.

Cha: Con đã rửa mặt sáng nay chứ?

David: Vâng, con rửa rồi.

Cha: Con đã hoàn thành bài luận chưa?

David: Chưa ạ, con xin lỗi bố. Con chưa.

Soạn Grammar - Tiếng Anh 12 Unit 15 Language Focus

Exercise 1. Choose one of the following verbs (in the correct form) + the correct preposition to complete the sentences. (*Chọn một trong các động từ sau (trong dạng đúng) + giới từ đúng để hoàn thành các câu.*)

Gợi ý:

1. glance at	2. invited to	3. listen to	4. throw ... at
5. starting at	6. speaking to	7. wrote to	8. point ... at

Exercise 2. Fill in each of the blanks with an appropriate preposition if necessary. (*Điền vào mỗi chỗ trống với một giới từ thích hợp nếu cần thiết.*)

Gợi ý:

1. for	2. for	3. to	4. for	5. about
6. _No_	7. about	8. for	9. for	10. for